

---

# Mức độ giàu có của người dân: so sánh Việt Nam với các quốc gia trong khu vực ASEAN

Lê Thị Mỹ Ngân  
Trường Đại học Tài chính - Marketing

Để đo lường mức độ giàu có của người dân người ta thường sử dụng chỉ tiêu GDP bình quân đầu người. Trên cơ sở đó bài viết nêu thực trạng mức độ giàu có của người dân Việt Nam và so sánh với các quốc gia trong khu vực ASEAN. Kết quả nghiên cứu cho thấy mức độ giàu có của người dân Việt Nam khá thấp và có khoảng cách khá xa khi so sánh với quốc gia trong khu vực ASEAN.

## 1. Giới thiệu

Kể từ sau đổi mới nền kinh tế đất nước năm 1986, nền kinh tế Việt Nam đã đạt nhiều thành tựu tích cực, đời sống của người dân và đặc biệt chất lượng cuộc sống ngày càng được nâng lên, người dân được hưởng nhiều dịch vụ với chất lượng ngày càng cao. Theo đánh giá của Tổng cục Thống kê (GSO), trong thời kỳ 2001-2010, nền kinh tế đã duy trì được tốc độ tăng trưởng cao, bình quân mỗi năm đạt trên 7,26%, góp phần đưa Việt Nam ra khỏi tình trạng kém phát triển và bước vào nhóm nước có thu nhập trung bình thấp. Nhờ đạt được tốc độ tăng trưởng cao nói trên, tổng sản phẩm quốc nội (tính theo giá so sánh năm 1994) năm 2010 đã tăng gấp 2,02 lần so với năm 2000. Thu nhập bình quân đầu người năm 2000 là 402 USD; năm 2005 là 700 USD; 2010 là 1.273 USD; 2012 là 1.749 USD và 1.898 USD năm 2013, đến năm 2018 thu nhập bình quân đầu người đạt 2.566,6 USD. Do kinh tế tăng trưởng cao, kết hợp với các chương trình mục tiêu quốc gia về xóa đói giảm nghèo và các chương trình liên quan khác được thực hiện thành công ở nhiều địa phương nên mức sống của người dân được nâng lên rõ rệt (Nguyễn Hồng Sơn, 2014). Và để đo lường mức độ thịnh vượng của một quốc gia người ta thường sử dụng chỉ tiêu GDP (Gross Domestic Product). Tuy nhiên để đo lường mức độ thịnh vượng của một quốc gia hay đối với người dân là mức độ giàu có thì cần xem xét thêm nhiều chỉ tiêu như tỷ lệ thất nghiệp hay theo đề nghị của một nhóm các nhà kinh tế là bổ sung thêm chỉ tiêu chỉ số phát triển xã hội SPI (Social Progress Index, đo lường khả năng tiếp cận giáo dục, lương thực, tiếp cận nhà cửa giá rẻ). Trong giới hạn bài viết này, tác giả chỉ đánh giá mức độ giàu có của người dân Việt Nam dựa chỉ tiêu GDP bình quân đầu người và so sánh chỉ tiêu này với các quốc gia trong khu vực ASEAN để có những nhận định nhất định về mức độ giàu có của người dân Việt Nam hiện nay.

## 2. Dữ liệu và Chỉ tiêu đo lường mức độ giàu có của người dân

Dữ liệu nghiên cứu: bài viết sử dụng nguồn số liệu thứ cấp được thu thập từ Ngân hàng thế giới, cụ thể là số liệu về GDP thực bình quân đầu người của Việt Nam và các quốc gia trong khu vực ASEAN để có cơ sở so sánh, phân tích và đánh giá.

Chỉ tiêu đo lường: Để đo lường mức độ giàu có của người dân người ta thường dùng chỉ tiêu Chỉ số GDP (Gross Domestic Product). Theo nghiên cứu của Cheng (2015) và nhiều tác giả khác khi đánh giá “sức mạnh và hoạt động kinh tế” đã sử dụng chỉ tiêu GDP bình quân đầu người thực như là thước đo sự giàu có của người dân. Vì vậy, nhóm tác giả sử dụng chỉ tiêu GDP bình quân thực (thực tế - đã loại bỏ những ảnh hưởng của thay đổi giá cả) trên đầu người nhằm mục đích so sánh GDP bình quân đầu người theo thời gian và so sánh sự thịnh vượng của Việt Nam với các quốc gia với quy mô dân số khác nhau. Trên cơ sở đó, căn cứ trên dữ liệu công bố của ngân hàng thế giới (World Bank) để so sánh, đánh giá mức độ giàu có của Việt Nam với một số quốc gia trong khu vực và trên thế giới.

## 3. Hiện trạng mức độ giàu có của người dân Việt Nam: so sánh với các quốc gia trong khu vực

Theo dữ liệu công bố của ngân hàng thế giới (World Bank), GDP bình quân thực tính trên đầu người của Việt Nam tăng nhanh kể từ năm 2000 trở lại đây. Cụ thể, năm 2000 GDP thực bình quân của người Việt Nam đạt 390,1 USD/người/năm thì đến năm 2010 đã đạt 1317,9 USD, tăng 3,37 lần so với năm 2010. Năm 2018 GDP thực bình quân đầu người của Việt Nam đạt 2.566,6 USD, tăng 6,5 lần so với năm 2000 và tăng 1,9 lần so với năm 2010, tăng 1,08 lần so với năm 2017. Bình quân GDP thực đầu người của Việt Nam giai đoạn 2000-2018 đạt 1.824,6 USD/người/năm, GDP bình

quân thực đầu người giai đoạn 2010-2018 đạt 1967,1 USD/người/năm. Nhìn chung, sự phát triển của Việt Nam trong 30 năm qua rất đáng ghi nhận. Đối mới kinh tế và chính trị từ năm 1986 đã thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh, nhanh chóng đưa Việt Nam từ một trong những quốc gia nghèo nhất trên thế giới trở thành quốc gia thu nhập trung bình thấp. Từ 2000 đến 2018, hơn 45 triệu người đã thoát nghèo, tỉ lệ nghèo giảm mạnh từ hơn 70% xuống còn dưới 6% (3,2 USD/ngày theo sức mua ngang giá). GDP đầu người tăng 2,5 lần vào năm 2018. Tuy nhiên, so với các quốc gia trong khu vực ASEAN như Thái Lan, Indonesia và Malaysia, thì GDP thực bình quân đầu người của Việt Nam khá thấp. Cụ thể, theo số liệu thống kê của Worldbank, GDP thực bình quân đầu người trong năm 2018 của Singapore gấp 25,8 lần Việt Nam, Brunei gấp 12,6 lần, Malaysia gấp 4,5 lần và Thái Lan có GDP thực bình quân đầu người gấp gần 2,8 lần Việt Nam, Indonesia gấp 1,5 lần. GDP thực bình quân đầu người của Việt Nam chỉ cao hơn so với Lào và Myanmar. Từ năm 2008, GDP thực bình quân đầu người đạt 1.148,4 USD, đến năm 2018 tăng lên 2566 USD. Với mức GDP thực bình quân này, Việt Nam tiếp tục thuộc nhóm nước có GDP thực bình quân đầu người trung bình thấp và chỉ ngang bằng mức GDP thực bình quân đầu người của Malaysia năm 1988, Thái Lan năm 1993, Indonesia năm 2008, Philippines năm 2010 và Hàn Quốc năm 1982. Trong khu vực ASEAN, GDP thực bình quân đầu người của Việt Nam chỉ hơn Lào, Campuchia, Myanmar. Ngoài ra, các nước ASEAN rất khác nhau về chính trị và thể chế, nền kinh tế phát triển giữa các nước không đồng đều. Như vậy, GDP thực bình quân đầu người của Việt Nam so với các quốc gia trong khu vực còn có khoảng cách khá xa, tức là mức độ giàu có của người dân Việt Nam so với các quốc gia trong khu vực còn khá thấp và có khoảng cách khá xa.

Tuy nhiên, hiện ở Việt Nam vẫn còn vấn đề đáng quan tâm đó là hiện trạng bất bình đẳng kinh tế (hay còn gọi là bất bình đẳng thu nhập, khoảng cách giàu nghèo) là chênh lệch giữa các cá nhân, các nhóm trong xã hội hay giữa các quốc gia trong việc phân phối lại tài sản hay thu nhập. Bất bình đẳng thu nhập không những gây ra những hệ lụy xã hội mà còn có ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình tăng trưởng kinh tế (Berg, Ostry và Zettelmeyer, 2008). Các nghiên cứu trên thế giới cho thấy, bất bình đẳng thu nhập có ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình phát triển nói chung, gây tổn hại đến sự gắn kết xã hội như ảnh hưởng xấu tới chất lượng cuộc sống của người dân, làm tăng tỷ lệ nghèo đói, cản trở tiến bộ y tế - giáo dục nói chung. Riêng đối với những người nghèo, bất bình đẳng còn góp phần làm gia tăng tình trạng tội phạm. Theo John W. (2003), tăng trưởng kinh tế đạt 10% thì người nghèo chỉ được hưởng lợi khoảng 1/4 trong số đó. Trong khi đó, người giàu có cơ hội khai thác nhiều hơn để gia tăng phúc lợi cho mình. Điều đó có nghĩa là, khi tăng

trưởng kinh tế góp phần vào xóa đói giảm nghèo thì nó lại làm gia tăng thêm khoảng cách chênh lệch giàu nghèo. Tác giả Võ Hồng Đức (2019) cũng khẳng định rằng bất bình đẳng thu nhập ảnh hưởng tiêu cực đến phát triển kinh tế, đồng thời chính sự gia tăng của bất bình đẳng kinh tế đã dẫn đến kinh tế tăng trưởng chậm.

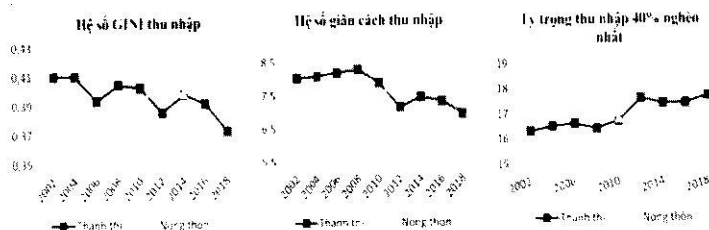
Trong giai đoạn 2000-2018, nền kinh tế Việt Nam đã có những cải thiện đáng kể, đời sống của người dân, chất lượng cuộc sống ngày càng được nâng lên, người dân được hưởng nhiều dịch vụ với chất lượng ngày càng cao. Tuy nhiên, để xem xét thực trạng bình đẳng trong thu nhập giữa các nhóm dân cư hay để đo lường bất bình đẳng trong phân phối thu nhập, có nhiều thước đo khác nhau như hệ số Gini, hệ số gián cách thu nhập, tiêu chuẩn 40WB... Hệ số gián cách thu nhập được tính bằng tỉ số giữa thu nhập của 20% dân số có thu nhập cao nhất trên thu nhập của 20% dân số có thu nhập thấp nhất. Hệ số này càng lớn, tình trạng bất bình đẳng càng cao. Tiêu chuẩn 40WB do Ngân hàng Thế giới đề xuất, được tính bằng tỷ lệ thu nhập (chỉ tiêu) của 40% dân số có mức thu nhập (chỉ tiêu) thấp nhất trong xã hội trên tổng thu nhập (chỉ tiêu) của toàn bộ dân cư. Nếu tỷ lệ này trên 17%, ta có bất bình đẳng ở mức thấp, từ 12% đến 17%, ta có bất bình đẳng ở mức vừa, dưới 12% là bất bình đẳng ở mức cao.

Sử dụng hệ số Gini cho thấy, mức độ bất bình đẳng trong phân phối thu nhập của cả nước đang có xu hướng tăng lên. So với mức thấp nhất tại năm 2002, sơ bộ năm 2018, mức độ bất bình đẳng đã tăng 0,4 điểm phần trăm, con số chính thức có thể còn cao hơn. Trong cả 2 giai đoạn, có 2 chu kì tăng đạt đỉnh vào năm 2008 và 2016. Năm 2008 là năm diễn ra cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, ảnh hưởng đến nền kinh tế của tất cả các quốc gia. Năm 2016 diễn ra trong bối cảnh nền kinh tế thế giới vô cùng ảm đạm với các biến cố xảy ra như cuộc khủng hoảng người di cư, nước Anh quyết định rời khỏi EU.

Hệ số gián cách thu nhập và tỷ trọng thu nhập 40% nghèo nhất lại cho thấy một khía cạnh hoàn toàn khác. Bất kể khủng hoảng hay biến cố có xảy ra hay không thì cũng không ảnh hưởng đáng kể đến xu hướng của bất bình đẳng, bất bình đẳng tăng rõ rệt qua các năm và không có biến động đột biến. Theo tính toán từ số liệu của Tổng cục thống kê vào năm 2018, bất bình đẳng đã đạt ở mức cao nhất trong cả giai đoạn. Nhóm giàu nhất có thu nhập gấp 10 lần nhóm nghèo nhất, thay vì 8 lần ở năm 2002. Mặc dù so với tiêu chuẩn 40WB của Ngân hàng Thế giới, chúng ta luôn ở mức trên 17%, cho thấy bất bình đẳng ở mức thấp so với thế giới và có xu hướng giữ ổn định trong cả giai đoạn. Song mức độ bất bình đẳng thu nhập ở Việt Nam hiện nay là khá cao.

Các phân tích trên cho thấy, bất bình đẳng thu nhập vẫn đang gia tăng hầu hết trên cả nước và nhóm

**Hình 1: Mức độ bất bình đẳng thu nhập khu vực nông thôn và thành thị**



Nguồn số liệu: Tổng cục Thống kê - (Trích theo Nguyễn Thanh Hằng)

dân cư nghèo nhất vẫn đang là nhóm chịu tổn thương. Ngoài ra, đối chiếu theo tiêu chí “Mức độ giàu có của người dân” của Cheng (2015) thì giai đoạn 2000-2018 Việt Nam đạt mức thứ 2 tức là thấp và khi so sánh với các quốc gia trong khu vực thì mức độ giàu có của người dân Việt Nam vẫn còn thấp và có khoảng cách khá xa so với các quốc gia trong khu vực. Bên cạnh đó, để đo lường mức độ thịnh vượng của một quốc gia hay đối với người dân là mức độ giàu có thì cần xem xét thêm nhiều chỉ tiêu như tỷ lệ thất nghiệp hay theo đề nghị của một nhóm các nhà kinh tế là bổ sung thêm chỉ tiêu chỉ số phát triển xã hội SPI (Social Progress Index, đo lường khả năng tiếp cận giáo dục, lương thực, tiếp cận nhà cửa giá rẻ) để có nhận định chính xác hơn về thực trạng mức độ giàu có của người dân.

Nhìn chung, mức độ giàu có của người dân còn gắn liền với sự phát triển thịnh vượng của một quốc gia. Riêng đối với Việt Nam, nền kinh tế đã có sự phát triển vượt bậc kể từ sau khi đất nước đổi mới năm 1986 đến nay. Theo kết quả khảo sát mức sống dân của năm 2018 và năm 2019 của Tổng cục thống kê thì cơ cấu về thu nhập đang chuyển dịch theo hướng ngày càng tiến bộ hơn. Điều này thể hiện qua tỷ trọng các khoản thu từ tiền công, tiền lương tăng từ 51,1% năm 2018 lên 54,7% năm 2019. Ngược lại, tỷ trọng thu từ hoạt động tự làm nông, lâm nghiệp, thủy sản có xu hướng ngày càng giảm, từ 13,3% năm 2018 xuống còn 11,8% năm 2019. Bên cạnh đó, khi xét riêng về 10 chỉ số phản ánh mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản thì các hộ gia đình Việt Nam năm 2019 thiếu hụt nhiều nhất ở các chỉ số là bảo hiểm y tế, giáo dục người lớn và tiếp cận hồ sơ y sinh (mức độ thiếu hụt lần lượt là 19,0%, 11,0% và 7,2%). Trong 3 chỉ số này thì 2 chỉ số là bảo hiểm y tế và tiếp cận hồ sơ y sinh có mức độ thiếu hụt có xu hướng giảm, riêng chỉ số giáo dục người lớn không có xu hướng giảm qua các năm trong giai đoạn 2016-2019.

#### 4. Kết luận

Mặc dù nền kinh tế Việt Nam nói chung đạt được những thành tựu nhất định trong những giai đoạn vừa qua và mức độ giàu có của người dân ngày một gia tăng, cụ thể được thể hiện qua chỉ tiêu GDP thực bình quân đầu người ngày càng gia tăng, tỷ lệ hộ nghèo

giảm, đời sống của các tầng lớp dân cư tiếp tục được cải thiện. Tuy nhiên, mức sống vẫn có sự cách biệt giữa thành thị và nông thôn, giữa nhóm dân cư giàu và nghèo, giữa các vùng và nhất là sự khác biệt khá xa so với các quốc gia trong khu vực. Đây là vấn đề lớn và mang tầm chiến lược quốc gia nên đòi hỏi các nhà hoạch định chính sách phải tiếp tục quan tâm giải quyết./.

#### Tài liệu tham khảo

- Chen, X. (2015). Research of China's Financial Safety Indicator. In: Menggang Li, Qiusheng Zhang, Juliang Zhang & Yisong Li (Editor): Proceedings of 2015 2nd International Conference on Industrial Economics System and Industrial Security Engineering. ISBN 978 — 981 — 287 — 655-3, pp119 - 126
- Nguyễn Thị Thanh Hằng (2019) “Thực trạng bất bình đẳng thu nhập ở Việt Nam giai đoạn 2002 — 2018” Tạp chí con số và sự kiện, <http://consosukien.vn/thuc-trang-bat-binh-dang-thu-nhap-o-viet-nam-giai-doan-2002-2018.htm>
- Nguyễn Hồng Sơn, Trần Quang Tuyền (2014) “Nâng cao mức sống dân cư trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam” : Thành tựu và những thách thức đặt ra” Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Kinh tế và Kinh doanh, Tập 30, Số 1 (2014) 10-18
- Nguyen Quang Thai, Bui Trinh (2017). Phân tích GDP và sự phát triển bền vững về môi trường” Tạp chí Kinh tế tài chính Việt Nam” Số 2 2017.
- Nguyễn Thị Thơm (2020) “Tăng trưởng kinh tế với giảm nghèo: Lý luận và thực tiễn tại Việt Nam” Tạp chí Lý luận chính trị số 2/2020.